

中華科技大學115學年度秋季班新南向產學合作國際專班

生物科技系學生錄取名單

經115年7月27日新南向產學合作國際專班申請入學招生委員會審查通過

編號	學制 Degree	中文姓名	英文姓名 English Name	國籍 Citizenship	錄取別 Chính thức / dự bị
1	大學部Bachelor	陳氏○芳	TRAN THI MINH PHUONG	越南Việt Nam	正取Chính thức
2	大學部Bachelor	梁○碧	LUONG THI BICH	越南Việt Nam	正取Chính thức
3	大學部Bachelor	阮○書	NGUYEN ANH THU	越南Việt Nam	正取Chính thức
4	大學部Bachelor	裴○英	BUI THI ANH	越南Việt Nam	正取Chính thức
5	大學部Bachelor	范○娟	PHAM THI QUYEN	越南Việt Nam	正取Chính thức
6	大學部Bachelor	陳○藍	TRAN THANH LAM	越南Việt Nam	正取Chính thức
7	大學部Bachelor	蘇氏○恆	TO THI THUY HANG	越南Việt Nam	正取Chính thức
8	大學部Bachelor	陳○姮	TRAN THI HANG	越南Việt Nam	正取Chính thức
9	大學部Bachelor	韋○英	VI LAN ANH	越南Việt Nam	正取Chính thức
10	大學部Bachelor	阮○金芝	NGUYỄN THỊ KIM CHI	越南Việt Nam	正取Chính thức
11	大學部Bachelor	范○明	PHAM THI MINH	越南Việt Nam	正取Chính thức
12	大學部Bachelor	阮○燕芝	NGUYEN HOANG YEN CHI	越南Việt Nam	正取Chính thức
13	大學部Bachelor	劉○心	LUU MINH TAM	越南Việt Nam	正取Chính thức
14	大學部Bachelor	韋○姮	VI THI THU HANG	越南Việt Nam	正取Chính thức
15	大學部Bachelor	阮○香	NGUYEN THI HUONG	越南Việt Nam	正取Chính thức
16	大學部Bachelor	范氏○英	PHAM THI LAN ANH	越南Việt Nam	正取Chính thức
17	大學部Bachelor	阮○水	NGUYEN THI THUY	越南Việt Nam	正取Chính thức
18	大學部Bachelor	黃○芝	HOANG THI CHI	越南Việt Nam	正取Chính thức
19	大學部Bachelor	丁○璃	DINH DIEU LY	越南Việt Nam	正取Chính thức
20	大學部Bachelor	阮黃○鸞	NGUYEN HOANG BICH LOAN	越南Việt Nam	正取Chính thức
21	大學部Bachelor	范○姮	PHAM THU HANG	越南Việt Nam	正取Chính thức
22	大學部Bachelor	吳○桃	NGO ANH DAO	越南Việt Nam	正取Chính thức
23	大學部Bachelor	劉○善	LUU THI THIEN	越南Việt Nam	正取Chính thức
24	大學部Bachelor	阮氏○玉	NGUYEN THI BICH NGOC	越南Việt Nam	正取Chính thức
25	大學部Bachelor	許○進	HUA THI TIEN	越南Việt Nam	正取Chính thức
26	大學部Bachelor	武玉○芝	VU NGOC LAN CHI	越南Việt Nam	正取Chính thức
27	大學部Bachelor	丁氏○瓊	DINH THI THUY QUYNH	越南Việt Nam	正取Chính thức
28	大學部Bachelor	阮氏○薇	NGUYEN THI HA VI	越南Việt Nam	正取Chính thức

中華科技大學115學年度秋季班新南向產學合作國際專班

生物科技系學生錄取名單

經115年7月27日新南向產學合作國際專班申請入學招生委員會審查通過

編號	學制 Degree	中文姓名	英文姓名 English Name	國籍 Citizenship	錄取別 Chính thức / dự bị
29	大學部Bachelor	杜○安	DO BINH AN	越南Việt Nam	正取Chính thức
30	大學部Bachelor	楊氏○容	DUONG THI THUY DUNG	越南Việt Nam	正取Chính thức
31	大學部Bachelor	杜阮○草	DO NGUYEN PHUONG THAO	越南Việt Nam	正取Chính thức
32	大學部Bachelor	恩氏○蓉	AN THI NGOC DUNG	越南Việt Nam	正取Chính thức
33	大學部Bachelor	黃○秋	HOANG THI THU	越南Việt Nam	正取Chính thức
34	大學部Bachelor	范氏○銀	PHAM THI THANH NGAN	越南Việt Nam	正取Chính thức
35	大學部Bachelor	豆氏○妝	DAU THI HUYEN TRANG	越南Việt Nam	正取Chính thức
36	大學部Bachelor	楊○榕	DUONG THI DUNG	越南Việt Nam	正取Chính thức
37	大學部Bachelor	阮○柳	NGUYEN THI LIEU	越南Việt Nam	正取Chính thức
38	大學部Bachelor	范○水	PHAM THU THUY	越南Việt Nam	正取Chính thức
39	大學部Bachelor	武氏○茉	VU THI HUONG NHAİ	越南Việt Nam	正取Chính thức
40	大學部Bachelor	武○翠	VU THI THUY	越南Việt Nam	正取Chính thức
41	大學部Bachelor	陳○榮	TRAN CONG VINH	越南Việt Nam	備取Dự bị
42	大學部Bachelor	阮○公	NGUYEN NGOC CONG	越南Việt Nam	備取Dự bị
43	大學部Bachelor	阮○勇	NGUYEN TIEN DUNG	越南Việt Nam	備取Dự bị
44	大學部Bachelor	阮○明	NGUYEN VAN MINH	越南Việt Nam	備取Dự bị
45	大學部Bachelor	阮○功	NGUYEN XUAN CONG	越南Việt Nam	備取Dự bị
46	大學部Bachelor	阮○秀	NGUYEN VAN TU	越南Việt Nam	備取Dự bị
47	大學部Bachelor	阮玉○英	NGUYEN NGOC TUAN ANH	越南Việt Nam	備取Dự bị
48	大學部Bachelor	范○慶	PHAM DUY KHANH	越南Việt Nam	備取Dự bị
49	大學部Bachelor	陳○達	TRAN QUOC DAT	越南Việt Nam	備取Dự bị
50	大學部Bachelor	阮○達	NGUYEN TIEN DAT	越南Việt Nam	備取Dự bị
51	大學部Bachelor	阮○松	NGUYEN VAN TUNG	越南Việt Nam	備取Dự bị
52	大學部Bachelor	陳○明	TRAN TUAN MINH	越南Việt Nam	備取Dự bị
53	大學部Bachelor	阮氏○香	NGUYEN THI LAN HUONG	越南Việt Nam	備取Dự bị
54	大學部Bachelor	阮氏○簪	NGUYEN THI NGOC TRAM	越南Việt Nam	備取Dự bị
55	大學部Bachelor	阮○慶	NGUYEN HONG KHANH	越南Việt Nam	備取Dự bị
56	大學部Bachelor	黃氏○心	HOANG THI THANH TAM	越南Việt Nam	備取Dự bị

中華科技大學115學年度秋季班新南向產學合作國際專班

生物科技系學生錄取名單

經115年7月27日新南向產學合作國際專班申請入學招生委員會審查通過

編號	學制 Degree	中文姓名	英文姓名 English Name	國籍 Citizenship	錄取別 Chính thức / dự bị
57	大學部Bachelor	阮氏○英	NGUYEN THI VAN ANH	越南Việt Nam	備取Dự bị
58	大學部Bachelor	農○莊	NONG THI TRANG	越南Việt Nam	備取Dự bị
59	大學部Bachelor	阮○玄	NGUYEN THI HUYEN	越南Việt Nam	備取Dự bị
60	大學部Bachelor	阮氏○瓊	NGUYEN THI DIEM QUYNH	越南Việt Nam	備取Dự bị
61	大學部Bachelor	阮氏○玄	NGUYEN THI THANH HUYEN	越南Việt Nam	備取Dự bị
62	大學部Bachelor	范○映	PHAM THI ANH	越南Việt Nam	備取Dự bị
63	大學部Bachelor	潘○賢	PHAN THỊ HIỀN	越南Việt Nam	備取Dự bị
64	大學部Bachelor	阮○君	NGUYỄN MINH QUÂN	越南Việt Nam	備取Dự bị
65	大學部Bachelor	楊○德	DUONG ANH DUC	越南Việt Nam	備取Dự bị
66	大學部Bachelor	胡○政	HỒ ĐÌNH CHÍNH	越南Việt Nam	備取Dự bị
67	大學部Bachelor	潘○成	PHAN DINH THANH	越南Việt Nam	備取Dự bị
68	大學部Bachelor	范○軍	PHAM MINH QUAN	越南Việt Nam	備取Dự bị
69	大學部Bachelor	阮氏○蘭	NGUYEN THI PHUONG LAN	越南Việt Nam	備取Dự bị
70	大學部Bachelor	黃氏○梅	HOANG THI NGOC MAI	越南Việt Nam	備取Dự bị